

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ



ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2025 tại thị trường London đạt mức bình quân 4.372 USD/tấn, giảm 0,6% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 5.535 USD/tấn, tăng 1,3% so với tuần trước.
- ❖ Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), niên vụ 2022/2023, nguồn cung cà phê toàn cầu đạt 178 triệu bao, giảm 5,83% so với cùng kỳ niên vụ trước.
- ❖ Theo ICO, niên vụ 2023/2024, sản lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 137,27 triệu bao, tăng 11,70% so với niên vụ 2022/2023.
- ❖ Sản lượng cà phê của Colombia cho niên vụ 2024/2025 dự kiến sẽ tăng 3,95% so với niên vụ trước, đạt khoảng 13 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 04 đến 08/11/2024, giá cà phê thế giới tăng giảm trái chiều tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2025 tại thị trường London đạt 4.372 USD/tấn, giảm 0,6% so với tuần trước và tăng 71,7% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.487 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.307 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2024 bình quân đạt 5.535 USD/tấn, tăng 1,3% so với mức giá tuần trước, và tăng 46,9% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.727 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.400 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Thị trường cà phê toàn cầu tháng 9/2024.

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), niên vụ 2022/2023, nguồn cung cà phê toàn cầu đạt 178 triệu bao, giảm 5,83% so với cùng kỳ niên vụ trước. Trong khi đó, tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2022/2023 tăng 2,25% so với niên vụ trước, đạt 177 triệu bao.[2]

Tháng 9/2024, xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 10,76 triệu bao, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2023. Niên vụ 2023/2024, sản lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 137,27 triệu bao, tăng 11,70% so với niên vụ 2022/2023.[2]

Brazil

Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafé), tháng 10/2024, xuất khẩu cà phê của Brazil đạt 4,38 triệu bao, tăng 24,25% so với tháng 10/2023. Trong đó, khối lượng cà phê Arabica xuất khẩu đạt 3,43 triệu bao, khối lượng cà phê Arabica xuất khẩu đạt 908 nghìn bao.[3]

Theo báo cáo thời tiết tại Brazil, lượng mưa trong tháng 10/2024 cao hơn cùng kỳ các năm trước tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các vùng trồng cà phê của quốc gia này. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia nhận định rằng, thời tiết khô hạn trong thời kỳ đầu của niên vụ cà phê này có thể dẫn tới sản lượng cà phê có thể giảm nhẹ so với niên vụ trước.[3]

Quy định phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR)

Các thị trường đang chờ đợi cuộc bỏ phiếu của Nghị viện EU vào ngày 13/11/2024 về việc có chính thức tri hoãn Quy định về Phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR), ban đầu dự kiến áp dụng từ ngày 30/12/2024 đối với các mặt hàng nhập khẩu như cà phê, ca cao, gia súc, gỗ, dầu cọ, đậu nành và cao su. Hội đồng châu Âu đã đồng ý với đề xuất này, tuy nhiên, cần sự phê duyệt cuối cùng từ Nghị viện EU. Nếu quyết định trì hoãn được thông qua, các bên trong chuỗi cung ứng sẽ có thêm 12 tháng để chuẩn bị và điều chỉnh các biện pháp thực thi EUDR trước hạn chót mới là ngày 30/12/2025. Liên minh châu Âu hiện là khối tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới, nhập khẩu trung bình 53,50 triệu bao mỗi năm, chiếm 31,20% tổng sản lượng cà phê toàn cầu.[3]

Sản lượng cà phê khu vực Trung Mỹ và Mexico niên vụ 2024/2205.

Sản lượng cà phê của Colombia cho niên vụ 2024/2025 (từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025) dự kiến sẽ tăng 3,95% so với niên vụ trước, đạt khoảng 13 triệu bao. Tại Mexico, sản lượng cà phê dự kiến duy trì ổn định ở mức khoảng 3,20 triệu bao, trong khi Guatemala được kỳ vọng sẽ giữ sản lượng ổn định so với niên vụ trước, ước đạt khoảng 3,30 triệu bao. Honduras cũng dự kiến sẽ tăng sản lượng theo năm, có thể đạt 5,20 triệu bao.[4]

Các chuyên gia dự báo rằng sản lượng cà phê của Mexico, Colombia và khu vực Trung Mỹ có thể tăng nhẹ, với phần lớn mức tăng đến từ Colombia. Tuy nhiên, cần thêm các thông tin cụ thể hơn khi vào vụ thu hoạch cà phê của các nước tại khu vực này. Niên vụ cà phê mới tại Trung Mỹ dự kiến sẽ cải thiện sau khi niên vụ 2023/24 đạt mức sản lượng thấp nhất trong chín năm gần đây. Bên cạnh đó, khó khăn về logistics vẫn là thách thức do thiếu tàu và thiết bị vận chuyển, gây ra nhiều sự chậm trễ trong xuất khẩu hàng hóa.[4]

Chuỗi trà sữa Tealive của Malaysia ra mắt dòng cà phê lấy cảm hứng từ Hàn Quốc.

Chuỗi trà sữa Tealive của Malaysia vừa ra mắt dòng cà phê mới lấy cảm hứng từ Hàn Quốc tại thị trường trong nước. Dòng sản phẩm K-Coffee của Tealive sẽ có sẵn tại 850 cửa hàng trên khắp Malaysia, với các hương vị phổ biến như americano nho và đào, cùng latte Tây Ban Nha pha sữa đặc ngọt. Tealive đặt mục tiêu bán một triệu cốc K-Coffee trên toàn Malaysia trước ngày 17 tháng 11 năm 2024. [5]

Nguồn tham khảo:

[1]: <https://www.investing.com>

[2]: [Tổ chức cà phê thế giới](#)

[3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd](#)

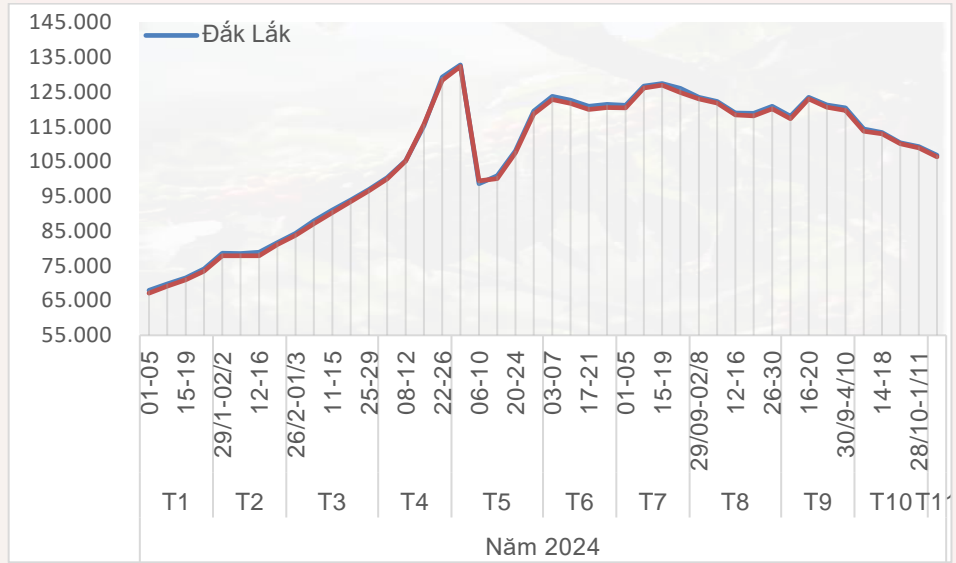
[4]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd](#)

[5]: worldcoffeeportal.com

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên giảm so với tuần trước.
- ❖ Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê tháng 10/2024 đạt 50 nghìn tấn, giá trị đạt 292,7 triệu USD
- ❖ Giá cà phê xuất khẩu bình quân 10 tháng ước đạt 3.981 USD/tấn, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là mức giá cao kỷ lục lịch sử trong 30 năm qua.
- ❖ Huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng năm 2024 tái canh, trồng mới, ghép cải tạo khoảng 1.165 ha cà phê.
- ❖ Đắk Nông gặp một số thách thức trong quá trình triển khai kế hoạch hành động thực hiện Quy định chống phá rừng của EU (EUDR).

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

DIỄN BIẾN GIÁ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ TỈNH

Trong tuần 04 đến 08/11/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 106.793 VNĐ/kg, giảm 2,32% so với tuần trước, và tăng 83,89% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 107.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 106.233VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 106.360 VNĐ/kg, giảm 2,37% so với tuần trước, và tăng 85,94% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 107.500 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 105.800 VNĐ/kg. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê tháng 10 năm 2024.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê tháng 10/2024 đạt 50 nghìn tấn, giá trị đạt 292,7 triệu USD. Lũy kế 10 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,2 triệu tấn, thu về 4,6 tỷ USD. Mặc dù khối lượng cà phê xuất khẩu giảm 10,8% nhưng giá trị lại tăng vọt 40,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Giá cà phê xuất khẩu bình quân 10 tháng ước đạt 3.981 USD/tấn, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là mức giá cao kỷ lục lịch sử trong 30 năm qua.

Theo ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFA), nguyên nhân quan trọng dẫn đến giá cà phê xuất khẩu tăng là quy định chống phá rừng của EU. Doanh nghiệp ở châu Âu đang tích cực thua mua cà phê trước khi quy định này có hiệu lực dẫn đến giá cà phê tăng mạnh.[2]

Cà phê là nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang EU

Theo Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ (Bộ Công Thương), trong 9 tháng năm 2024, cà phê là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Liên minh châu Âu (EU), đạt 431.231 tấn, kim ngạch 1,63 tỷ USD. So với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu cà phê sang thị trường EU giảm 8,1% về lượng nhưng tăng tới 47,8% về giá trị nhờ giá xuất khẩu tăng cao. Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU trong 9 tháng năm 2024 bình quân đạt 3.793 USD/tấn, tăng 60,8% so với cùng kỳ năm trước.[3]

Cà phê chiếm 58,7% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU. Đồng thời, EU cũng là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm 39% tổng khối lượng và 38% kim ngạch xuất khẩu.[3]

Lâm Đồng

Năm 2024, diện tích cây cà phê toàn huyện Lâm Hà đạt 39,44 nghìn ha, duy trì ổn định trong những năm gần đây. Tuy nhiên, người dân sản xuất cà phê tại huyện Lâm Hà đang tích cực tái canh, trồng mới, ghép cải tạo cho diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp. Theo thông tin từ ngành Nông nghiệp huyện Lâm Hà, năm 2024, nông dân trồng cà phê tại Lâm Hà tái canh, trồng mới, ghép cải tạo khoảng 1.165 ha cà phê. [4]

Người dân được ngành Nông nghiệp khuyến cáo, hướng dẫn để lựa chọn các giống cà phê năng suất cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện Lâm Hà để tái canh, trồng mới cũng như ghép cải tạo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hạt cà

phê Lâm Hà, thay thế cho diện tích cà phê năng suất, chất lượng thấp.[4]

Đắk Nông

Theo ông Phạm Tuấn Anh, Giám đốc Sở Nông nghiệp – PTNT Đắk Nông, sau hơn 18 tháng triển khai kế hoạch hành động thực hiện Quy định về chống phá rừng của EU (EUDR), tỉnh Đắk Nông đã nhận diện được một số vấn đề thách thức khi thực hiện quy định này.

Thứ nhất là thách thức về cơ sở pháp lý về đất đai. Đắk Nông cũng như vùng Tây Nguyên phần lớn có nguồn gốc từ đất lâm nghiệp. Đây là vấn đề rất lớn mà tỉnh đang tính toán để xử lý, giải quyết.

Thứ hai, người dân sản xuất cà phê tại Đắk Nông chưa quan tâm về đến cơ sở pháp lý chống phá rừng. Điều này đã tạo khó khăn cho địa phương trong quá trình xác minh, định vị tọa độ diện tích vùng trồng.

Thứ ba, sản xuất nhỏ lẻ và chuỗi cung ứng phức tạp, nhiều tầng nấc trung gian làm giảm tính minh bạch, tạo thêm thách thức cho tỉnh Đắk Nông trong thực hiện EUDR. Theo ông Trương Tất Đơ, Cục Lâm nghiệp, tình trạng phá rừng để trồng cà phê, thiếu giấy tờ pháp lý và quy mô sản xuất nhỏ lẻ khiến nhiều nông hộ gặp khó khăn trong việc đăng ký mã số truy xuất nguồn gốc.

Tuy nhiên, theo Giám đốc Sở NN-PTNT Đắk Nông, quy định này cũng mở ra cơ hội tái cơ cấu sản xuất, tăng cường chia sẻ lợi ích và trách nhiệm cộng đồng, góp phần đổi mới ngành nông nghiệp địa phương.

Nguồn tham khảo:

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: [Báo Công Thương](#)
- [3]: [doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhavn.vn](#)
- [4]: [Báo Lâm Đồng](#)
- [5]: [Báo Đắk Nông](#)

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	105.800	106.000	106.500	106.000	107.500	106.360	-2.580
Di Linh	105.800	106.000	106.500	106.000	107.500	106.360	-2.580
Lâm Hà	105.800	106.000	106.500	106.000	107.500	106.360	-2.580
Bảo Lộc	105.800	106.000	106.500	106.000	107.500	106.360	-2.580
ĐẮK LẮK	106.233	106.433	106.933	106.433	107.933	106.793	-2.540
Cư M'gar	106.300	106.500	107.000	106.500	108.000	106.860	-2.540
Ea H'leo	106.200	106.400	106.900	106.400	107.900	106.760	-2.540
Buôn Hồ	106.200	106.400	106.900	106.400	107.900	106.760	-2.540
ĐẮK NÔNG	106.250	106.450	106.900	106.450	107.950	106.800	-2.650
Gia Nghĩa	106.300	106.500	106.900	106.500	108.000	106.840	-2.660
Đắk R'lấp	106.200	106.400	106.900	106.400	107.900	106.760	-2.640
GIA LAI	103.933	104.133	106.833	106.333	107.833	105.813	-3.360
Chư Prông	106.200	106.400	106.900	106.400	107.900	106.760	-2.480
Pleiku	102.800	103.000	106.800	106.300	107.800	105.340	-3.800
La Grai	102.800	103.000	106.800	106.300	107.800	105.340	-3.800
KON TUM	106.200	106.400	106.900	106.400	107.900	106.760	-2.480
Đắk Hà	106.200	106.400	106.900	106.400	107.900	106.760	-2.480

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn